

Bản án số: 1001/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 27/9/2023

Vụ án “Tranh chấp về ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

2. Bà Đoàn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Kim Nghĩa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 7 và 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 “Tranh chấp về ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 1144/2022/HNGĐ-ST ngày 22/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh bị bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2431/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 05/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9455/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4407/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: D17/43 Đinh Đức T, Ấp X, xã Bình C, huyện Bình C, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: 53/1/28 Trần Khánh D, phường Tân Đ, Quận X, Thành phố H (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: D17/43 Đinh Đức T, Ấp X, xã Bình C, huyện Bình C, Thành phố H (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Vĩnh L, sinh năm: 1953 (vắng mặt);
- Bà Võ Thị A, sinh năm: 1957 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: D7/54 ấp X, xã Bình C, huyện Bình C, Thành phố H.
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959 (vắng mặt).
- Bà Trần Thị C, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: C10/22 ấp Y, xã Bình C, huyện Bình C, Thành phố H.

- Ngân hàng TMCP Tiên P;

Trụ sở: Tòa nhà T Bank Số 57 Lý Thường K, phường Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc : Số 456A Nguyễn Thị Minh K, phường Z, Quận E, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoài D.

Địa chỉ: Số 456A Nguyễn Thị Minh K, phường Z, Quận E, Thành phố H (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có tìm hiểu, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2003, Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01 do UBND phường Trần Phú, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 01/4/2003, thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 (hai) người con chung là trẻ Nguyễn Thanh Kim N, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2005 và trẻ Nguyễn Hữu Thành T, giới tính nam, sinh ngày 15/01/2010. Bà H đồng ý giao trẻ N và trẻ T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/trẻ/tháng.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thanh H yêu cầu phân chia tài sản chung như sau:

- Phần đất thuộc thửa số 26, 27 tờ bản đồ số 45, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 căn nhà tọa lạc tại địa chỉ D17/43 Đình Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5 25G AT AWD, biển kiểm soát 51F-44492.

- Tổng giá trị tài sản chung ước tính là 21.000.000.000 đồng, bà H yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản chung tương đương 10.500.000.000 đồng, hiện vật sẽ do ông T nhận.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà vợ ngân hàng TMCP Tiên P theo hợp đồng vay tài sản số 231/2016/HDTD/CHA/01 ngày 12/12/2016 số tiền tạm tính đến ngày 23/4/2020 là 352.000.000 đồng. Ngoài ra Bà Nguyễn Thanh H không yêu cầu giải quyết các khoản nợ trong vụ án này.

Theo bản tự khai ngày 31/10/2019 ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có tìm hiểu, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2003, Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01 do UBND phường Trần Phú, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 01/4/2003, thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 (hai) người con chung là trẻ Nguyễn Thanh Kim N, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2005 và trẻ Nguyễn Hữu Thành T, giới tính nam, sinh ngày 15/01/2010. Bà H yêu cầu giao trẻ N và trẻ T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T đồng ý với yêu cầu của bà H. Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

- Phần đất thuộc thửa số 01, 02, tờ bản đồ số 10, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 căn nhà tọa lạc tại địa chỉ D17/43 Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản đất và nhà này ông và bà H mua bằng giấy tay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5 25G AT AWD, biển kiểm soát 51F-44492, sản xuất năm 2016. Xe này mua trả góp của ngân hàng TMCP Tiên P, hiện nay còn nợ ngân hàng TMCP Tiên P là 418.000.000 đồng. hàng tháng ông đang trả lãi và gốc cho khoản nợ này.

Sau khi ly hôn ông muốn toàn bộ tài sản chung của hai vợ chồng để lại cho hai con chứ không ai được lấy phần tài sản chung này, cho đến khi hai con đã đủ 18 tuổi thì sang tên tài sản qua tên hai con.

Vì thật sự tài sản này chỉ do một mình ông tạo lập từ khi kết hôn tới giờ nên ông muốn khi ly hôn thì để lại toàn bộ cho hai con.

Về nợ chung: Ông chấp nhận trả phần nợ ngân hàng TMCP Tiên P của chiếc xe mua trả góp cho đến khi hết nợ.

Ông có mượn ông Sang số tiền là 250.000.000 đồng để sửa chữa nhà và mượn cháu của ông tên Thọ số tiền 200.000.000 đồng năm 2018 để sửa nhà.

Còn nhiều khoản nợ khác mà ông không tiện kể ra.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Tiên P (TPBank)- người đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Hoài D trình bày:

Ngày 12/12/2016 Ngân hàng TMCP Tiên P – Chi nhánh Hồ Chí Minh có ký hợp đồng cho vay số 231/2016/HDTD/CHA/01 với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H. Theo đó, TPBank đồng ý cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H vay số tiền cụ thể như sau:

Số tiền vay: 792.000.000 đồng. Mục đích: thanh toán tiền mua đất, Thời hạn vay: 72 tháng. Tạm tính đến ngày 24/5/2021, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H còn nợ TPBank số tiền cụ thể như sau: Gốc: 209.000.000 đồng. Lãi: 847.450 đồng, Tổng nợ: 209.000.000 đồng.

Thông tin về hợp đồng thế chấp cho khoản vay của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H là: Tài sản bảo đảm cho khoản vay được quy định tại hợp đồng thế chấp số 231/2016/HDTD/CHA/01 ngày 12/12/2016 là:

01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển số: 51F-44.992, theo giấy chứng nhận số: 218221 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2016.

Quá trình phát sinh sự việc: Trong thời gian qua, khách hàng vẫn thanh toán theo lịch trả nợ đã ký kết với TPBank. Tuy nhiên, hiện nay giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H đang phát sinh việc ly hôn, chia tài sản chung.

Ngày 04/5/2021, TPBank nhận được Giấy triệu tập đương sự của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung” giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H.

Do việc, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H phát sinh việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung” nên làm ảnh hưởng trực tiếp đến giao dịch tại TPBank cụ thể theo hợp đồng cho vay số 231/2016/HDTD/CHA/01 ngày 12/12/2016.

Căn cứ theo hợp đồng cho vay số 231/2016/HDTD/CHA/01 ngày 12/12/2016, (tại điều 8, khoản 8.1.3, mục ii “ly hôn hoặc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”.

Vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của TPBank, TPBank đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H phải thanh toán toàn bộ khoản vay phát sinh theo hợp đồng cho vay số 231/2016/HDTD/CHA/01 ngày 12/12/2016, trước khi chấp thuận ly hôn.

Ngân hàng TMCP Tiên P có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H thanh toán cho ngân hàng TMCP Tiên P theo hợp đồng vay tài sản số 231/2016/HDTD/CHA/01 ngày 12/12/2016 số tiền tạm tính đến ngày 23/4/2020 là 352.000.000 đồng.

Đến ngày 07/01/2022 Ngân hàng TMCP Tiên P có đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Vĩnh L, bà Võ Thị A, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án sơ thẩm số 1144/2022/HNGĐ-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 44, quyển số 01 do UBND phường Trần Phú, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 01/4/2003 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Có 02 (hai) trẻ Nguyễn Thanh Kim N, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2005 và trẻ Nguyễn Hữu Thành T, giới tính nam, sinh ngày 15/01/2010. Giao trẻ N và trẻ T cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung là 1.500.000 đồng/trẻ/tháng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà Nguyễn Thanh H chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thanh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung:

1.3.1 Quyền sử dụng đất có diện tích 507,7 m² thuộc thửa số 26, 27 tờ bản đồ số 45 (BĐĐC năm 2004) và 01 căn nhà trên đất tọa lạc tại địa chỉ D17/43 Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên

môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 04/9/2020 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H.

1.3.2 Ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng đất có diện tích 507,7 m² thuộc thửa số 26, 27 tờ bản đồ số 45 (BĐĐC năm 2004) và sở hữu căn nhà trên đất tại địa chỉ D17/43 Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 04/9/2020.

1.3.3 Ông Nguyễn Văn T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

1.3.4 Buộc ông Nguyễn Văn T thanh toán cho bà Nguyễn Thanh H ½ giá trị tài sản với số tiền là 12.788.950.000 (mười hai tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng thi hành án tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T không thực hiện việc trả tiền thì bà Nguyễn Thanh H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Kể từ khi bà Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Nguyễn Văn T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4 Về nợ chung:

1.4.1 Bà Nguyễn Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét các đương sự sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

1.4.2 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh H đối với yêu cầu chia giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5 25G AT AWD, biển kiểm soát 51F-44492.

1.4.3 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Tiên P.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 15/02/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1144/2022/HNGĐ-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày : Ông không đồng ý việc định giá đất vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Ông không khiếu nại về giá đất, không

yêu cầu định giá đất lại. Ông đề nghị cùng bà Nguyễn Thanh H làm xong giấy tờ nhà đất thì 02 bên sẽ tự thỏa thuận phân chia tài sản, hiện nay ông không có tiền để hoàn trả lại cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 12.788.950.000đ nhưng ông cũng không đồng ý nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chia bằng tiền là 12.788.950.000đ, đề nghị bà H hỗ trợ thêm cho ông 5.000.000.000đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H - ông Nguyễn Trọng H trình bày : Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trường hợp ông T không nhận hiện vật thì bà H nhận hiện vật là nhà đất nêu trên , bà H đồng ý hoàn trả cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất 12.788.950.000đ.

Viện kiểm sát phát biểu :

Về tố tụng: Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T trong thời hạn luật định.

Về nội dung : Tòa án cấp sơ thẩm chưa triệu tập những người thừa kế của bà Phạm Thị Thêm tham gia tố tụng, chưa xác minh phần đất tranh chấp có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận hay không nên đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Văn T làm đúng thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Vĩnh L, bà Võ Thị A, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị C, Ngân hàng TMCP Tiên phong vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Phần đất có diện tích 507,7 m² thuộc thửa số 26, 27 tờ bản đồ số 45 (BĐDC năm 2004) tọa lạc tại xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 căn nhà trên đất tọa lạc tại địa chỉ D17/43 Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc 02 thửa:

Thửa số 1, tờ bản đồ 10: Do bà Phạm Thị Thêm (mẹ ông Nguyễn Văn T) đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00582/QSDD ngày 07 tháng 6 năm 1995 cho hộ bà Phạm Thị Thêm (bà Phạm Thị Thêm đã chết).

Thửa số 2, tờ bản đồ 7: do ông Nguyễn Văn T đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00608/QSDD ngày 20 tháng 9 năm 2001.

Năm 2001, ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng 600m² (nay giảm còn 545m²) thuộc 1 phần thửa 2, tờ bản đồ 10 Tài liệu 02/CT-UB cho ông Lê Vĩnh L (chồng bà Võ Thị A) đã được Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh chứng thực ngày 12 tháng 3 năm 2001. Tuy nhiên trên thực tế, diện tích ông T chuyển nhượng cho ông L thuộc 1 phần thửa 01, 02, tờ bản đồ 10 (TL02) có xác nhận của bà Phạm Thị Thêm (mẹ ông Nguyễn Văn T) trên giấy viết tay ngày 12 tháng 3 năm 2001.

Ngày 28 tháng 3 năm 2008, ông Lê Vĩnh L và bà Võ Thị A chuyển nhượng 600m² (gồm căn nhà, hiên và đất vườn) cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H theo hợp đồng chuyển nhượng giấy tay.

Căn cứ Văn bản số 597/BC-UBND ngày 08/7/2022 của UBND xã Bình Chánh Phần đất có diện tích 507,7 m² thuộc thửa số 26, 27 tờ bản đồ số 45 (BĐĐC năm 2004) tọa lạc tại xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 căn nhà trên đất tọa lạc tại địa chỉ D17/43 Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quy hoạch 1 phần đất dân cư hiện hữu cải tạo, 01 phần đường giao thông thuộc trường hợp được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã xác minh, triệu tập hợp lệ những người thừa kế của bà Phạm Thị Thêm tham gia tố tụng nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do. Trường hợp nếu có tranh chấp thừa kế di sản của bà Phạm Thị Thêm đương sự có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Do đó, có cơ sở xác định nhà đất nêu trên là tài sản chung của bà Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Văn T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Tòa án cấp sơ thẩm chia cho mỗi bên được sở hữu ½ giá trị nhà đất nêu trên theo chứng thư thẩm định giá số 204/TĐG-CT ngày 19/01/2021 của công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai là 25.577.900.000 đồng và chia hiện vật cho ông Nguyễn Văn T được sở hữu nhà đất nêu trên, ông T phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh H ½ giá trị nhà đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T không đồng ý việc định giá đất vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Ông không có khiếu nại về giá đất, không yêu cầu định giá lại. Ông đề nghị cùng bà Nguyễn Thanh H làm xong giấy tờ nhà đất, 02 bên sẽ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung vì hiện tại ông không có tiền để hoàn trả cho bà H ½ giá trị tài sản 12.788.950.000đ nhưng ông cũng không đồng ý nhận ½ giá trị tài sản được chia bằng tiền là 12.788.950.000đ, đề nghị bà H hỗ trợ thêm cho ông 5.000.000.000đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - ông Nguyễn Văn T và đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm : Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Có 02 (hai) trẻ Nguyễn Thanh Kim N, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2005 và trẻ Nguyễn Hữu Thành T, giới tính nam, sinh ngày 15/01/2010. Giao trẻ N và trẻ T cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi.

Bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/trẻ/tháng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà Nguyễn Thanh H chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thanh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung:

1.3.1 Quyền sử dụng đất có diện tích 507,7 m² thuộc thửa số 26, 27 tờ bản đồ số 45 (BĐĐC năm 2004) và 01 căn nhà trên đất tọa lạc tại địa chỉ D17/43 Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 04/9/2020 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh H.

1.3.2 Ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng đất có diện tích 507,7 m² thuộc thửa số 26, 27 tờ bản đồ số 45 (BĐĐC năm 2004) và sở hữu căn nhà trên đất tại địa chỉ D17/43 Đinh Đức Thiện, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 04/9/2020.

1.3.3 Ông Nguyễn Văn T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

1.3.4 Buộc ông Nguyễn Văn T thanh toán cho bà Nguyễn Thanh H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản với số tiền là 12.788.950.000đ (mười hai tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) thi hành án tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T không thực hiện việc trả tiền thì bà Nguyễn Thanh H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Kể từ khi bà Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Nguyễn Văn T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4 Về nợ chung:

1.4.1 Bà Nguyễn Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét các đương sự sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

1.4.2 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh H đối với yêu cầu

chia giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5 25G AT AWD, biển kiểm soát 51F-44492.

1.4.3 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Tiên phong.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thanh H tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thanh H phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thanh H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002014 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp chia tài sản chung: Bà Nguyễn Thanh H phải chịu 120.788.950đ (một trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn chín trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thanh H đã nộp là 59.250.000đ (năm mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002970 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thanh H còn phải nộp thêm số tiền 61.538.950đ (sáu mươi một triệu năm trăm ba mươi tám nghìn chín trăm năm mươi đồng).

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 120.788.950 đồng (một trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn chín trăm năm mươi đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Tiên phong số tiền tạm ứng án phí: 8.800.000đ (tám triệu tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0078998 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Nguyễn Văn T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0042493 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKS, TA, THA huyện Bình Chánh;
- Đương sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án (T/25)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Minh

